

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/02/2025

V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng; Bà Ngô Thị Thom.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 628/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 2000; ĐKKHKT: Thôn A, xã Đ (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1995; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã Đ (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Văn L1, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1973, Địa chỉ: Thôn A, xã Đ (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn xin vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 26/09/2017 tại U (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống ở Thôn A, xã Đ (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương. Năm 2019 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu anh Đ mới đi hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc. Nhưng sau đó do vợ chồng sống xa nhau lâu, ít liên lạc nên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Anh Đ không liên lạc với chị nữa, chị cũng không biết địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan. Năm 2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã Ú, huyện N, tỉnh Hải Dương sinh sống. Đến nay chị xác định chị và anh Đ không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 1 con chung là Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018 hiện nay cháu đang ở cùng ông bà nội là ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 chị đề nghị giao con cho anh Đ nuôi dưỡng vì từ bé đến nay cháu vẫn ở với ông bà nội, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận nên chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Vũ Văn Đ. Anh Đ hiện đang làm việc Đài Loan, anh Đ không cho ông bà biết địa chỉ của mình ở tại đó nhưng anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại về cho ông bà. Anh Đ, chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã V năm 2017. Sau khi anh Đ, chị L kết hôn thì chung sống với nhau ở gia đình ông bà. Thời gian đầu vợ chồng anh Đ chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ phía chị L. Sau khi chị L sinh con được 7 tháng thì tự ý bỏ đi, bỏ con lại cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không quan tâm đến anh Đ và con, hiện chị L vẫn ở nhà bố mẹ đẻ mình. Nay chị L cho quan điểm xin ly hôn anh Đ, ông bà đã thông báo cho anh Đ biết, quan điểm của anh Đ nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh Đ chị L có 1 con chung là Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018 hiện nay cháu đang ở với ông bà. Anh Đ có quan điểm xin được nuôi con và yêu cầu chị L cấp

dưỡng nuôi con. Do anh Đ đang ở nước ngoài nên ông bà nhất trí sẽ tiếp tục chăm sóc cháu A cho đến khi anh Đ về nước.

Theo xác minh tại UBND xã U và Trưởng thôn 1 thể hiện: A, chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã U (trước là xã V) ngày 26/9/2017. Hiện nay anh Đ, chị L vẫn đăng ký thường trú tại địa phương nhưng đang lao động tại Đài Loan còn chị L về nhà bố mẹ đẻ ở xã Ú sinh sống. Theo nắm bắt tại địa phương thì quá trình vợ chồng anh Đ chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do khúc mắc về kinh tế và do mâu thuẫn giữa bố mẹ chồng và con dâu còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào địa phương không rõ. Về con chung vợ chồng anh Đ, chị L có 1 con chung là cháu Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018 hiện nay cháu đang ở cùng với ông bà nội là ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đan .

Theo xác minh tại Cục Q: Anh Vũ Văn Đ xuất cảnh lần gần nhất ngày 10/4/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Các đương sự đều vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trình bày việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, người tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng: Đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh L ly hôn anh Vũ Văn Đ. Về con chung: Giao con chung Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018 cho anh Đ trực tiếp nuôi, chị L cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ kể từ tháng 01/2025; Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và tự nguyện chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn Đ có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại Thôn A, xã Đ (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương hiện đang làm việc, sinh sống tại Đài Loan. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Vũ Văn Đ đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh L và anh Vũ Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26/09/2017 tại U (trước là xã V), huyện N, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Chị L xác định quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng sống xa nhau thời gian lâu, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh Đ và chị đã không còn liên lạc với nhau nữa. Đến nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ. Anh Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc. Ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 là bố mẹ đẻ của anh Đ trình bày quá trình anh Đ, chị L chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L tự bỏ nhà đi, không còn quan tâm đến anh Đ và gia đình. Đến nay anh Đ được biết chị L làm đơn xin ly hôn, anh Đ cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh Đ. Lời khai của chị L và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có sự khác nhau về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L, anh Đ, tuy nhiên đều xác định quá trình anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống xa nhau, không có sự quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh Đ có 01 con chung là Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018. Chị L đề nghị giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Từ khi cháu A còn nhỏ đã ở với ông bà nội là ông Vũ Đình L2, bà Lê Thị Đan . Sau khi anh Đ đi lao động ở nước ngoài thì ông bà là người trực tiếp chăm sóc cháu, điều kiện về chỗ ở, học tập đều đảm bảo. Ông L2, bà Đ1 trình bày, anh Đ có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu chị L cấp

dưỡng nuôi con theo quy định. Trường hợp anh Đ được giao nuôi con ông sẽ tiếp tục nhận sự ủy quyền của anh Đ chăm sóc cháu A cho đến khi anh Đ về nước. Do đó HĐXX, giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao con chung Vũ Hoài A cho ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Vũ Văn Đ về Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh L, xử cho chị Nguyễn Thị Thanh L ly hôn anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Hoài A, sinh ngày 18/8/2018 cho anh Vũ Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị Thanh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

Tạm giao con chung Vũ Hoài A cho ông Vũ Văn L1, bà Lê Thị Đ1 nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh Vũ Văn Đ về Việt Nam.

Kể từ khi anh Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị L không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm

trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng bằng 600.000đ. Được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0005340 ngày 22 tháng 11 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị L còn phải nộp 300.000đ.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Dương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ, N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Thị Thu Thúy